

CÁC QUAN ĐIỂM VỀ KHOA HỌC TÂM LÝ

Cha mẹ ly hôn và quá trình thích nghi của con cái

[Parental Divorce and Children's Adjustment]

Jennifer E. Lansford

Trung tâm Chính sách Trẻ em và Gia đình, Đại học Duke

TÓM TẮT—*Bài viết này điếm lại các tài liệu nghiên cứu về mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và sự điều chỉnh, thích nghi ngắn hạn và dài hạn của con cái. Đầu tiên, tôi xem xét các bằng chứng về việc ly hôn liên quan như thế nào đến hành vi hướng ngoại (externalizing behaviors / hành vi bộc phát), các vấn đề hướng nội (internalizing problems / các vấn đề nội tâm hóa), thành tích học tập (academic achievement) và các mối quan hệ xã hội (social relationships) của trẻ. Thứ hai, tôi xem xét thời điểm ly hôn (timing of the divorce), đặc điểm nhân khẩu học (demographic characteristics), sự thích nghi (adjustment) của con cái trước khi ly hôn và sự kỳ thị (stigmatization) với tư cách là biến điều tiết (moderators) cho mối liên hệ giữa ly hôn và sự thích nghi của con cái. Thứ ba, tôi xem xét thu nhập (income), xung đột giữa cha mẹ (interparental conflict), cách nuôi dạy con cái (parenting) và an lạc (well-being) của cha mẹ như những yếu tố trung gian (mediators) cho mối quan hệ giữa ly hôn và sự thích nghi của con cái. Thứ tư, tôi quan tâm những lưu ý và hạn chế của tài liệu nghiên cứu (research literature). Cuối cùng, tôi xem xét các chính sách (policies) đáng chú ý liên quan đến căn cứ của việc ly hôn, cấp dưỡng nuôi con (child support) và quyền giám hộ con cái (child custody) vì chúng có thể ảnh hưởng đến khả năng thích nghi của con cái đối với việc cha mẹ ly hôn.*

Địa chỉ liên lạc của Jennifer E. Lansford, Trung Tâm Chính Sách Gia Đình và Trẻ Em, Đại Học Duke, Hộp Thư 90545, Durham, NC 27708; email: lansford@duke.edu.

Tại Hoa Kỳ, có từ 43% cho đến 50% các cuộc hôn nhân đầu tiên sẽ kết thúc bằng ly hôn (Cục Thống Kê Dân Số Hoa Kỳ / U.S. Census Bureau, 2004), và 50% trẻ em Mỹ sẽ trải qua việc ly hôn của cha mẹ (Trung Tâm Thống Kê Sức Khỏe Quốc Gia / National Center for Health Statistics, 2008). Với số lượng lớn các gia đình bị ảnh hưởng bởi ly hôn hàng năm, cha mẹ, chuyên gia lâm sàng và các nhà hoạch định chính sách đều quan tâm, mong muốn hiểu rõ việc trải qua ly hôn của cha mẹ ảnh hưởng như thế nào đến sự thích nghi (thích ứng) của trẻ em. Thực vậy, nhiều bậc cha mẹ khi cân nhắc về việc ly hôn thường tự hỏi liệu họ có nên tiếp tục ở bên nhau vì lợi ích của con cái hay không (sake of their children).

Những câu hỏi then chốt trong tài liệu nghiên cứu (research literature) đã tập trung vào việc liệu ly hôn có ảnh hưởng đến sự thích nghi của trẻ em hay không và nếu có, tại sao và như thế nào. Văn liệu đôi khi đã mô tả hai quan điểm cực đoan về việc ly hôn có ảnh hưởng đến sự thích nghi của trẻ em hay không (Cherlin, 1999). Quan điểm cực đoan đầu tiên cho rằng các tác động lâu dài của việc ly hôn lên trẻ em là khá tai hại và trẻ em mang theo gánh nặng tiêu cực kéo dài sau ly hôn về mặt sức khỏe tinh thần (mental health) và các mối quan hệ liên cá nhân (interpersonal relationships) (ví dụ, Glenn, 2001; Popenoe, 1993, 2003; Wallerstein, Lewis, & Blakeslee, 2000), quan điểm này đã nhận sự chỉ trích vì lý do phương pháp luận (ví dụ, dựa vào mẫu nhỏ các quần thể lâm sàng) và lý do ý thức hệ (ideological reasons). Chẳng hạn, Coontz (1992) chỉ ra rằng nhiều lời chỉ trích về ly hôn và gia đình phi truyền thống xuất phát từ những quan niệm sai lầm về cuộc sống gia đình trong những thập kỷ trước và rằng những huyền thoại về cuộc sống gia đình trong quá khứ chỉ phản ánh hiện thực cho một bộ phận nhỏ của người Mỹ gốc Âu thuộc tầng lớp trung lưu. Ở cực đối diện là quan điểm cho rằng ly hôn không có bất kỳ tác động lâu dài nào [mà có thể] đo lường được đối với trẻ em (ví dụ, Harris, 1998). Quan điểm cực đoan này đã bị chỉ trích bởi vì nó có vẻ mâu thuẫn với hàng trăm nghiên cứu thực nghiệm chứng minh điều ngược lại.

Giữa hai quan điểm cực đoan này, hầu hết các nhà nghiên cứu đã đi đến kết luận rằng ly hôn có một số ảnh hưởng tiêu cực đến sự thích

ngôi của trẻ em, nhưng những ảnh hưởng này có thể nhỏ về mức độ và không phải là phổ biến. Chẳng hạn, trong một phân tích tổng hợp bao gồm 92 nghiên cứu được tiến hành từ những năm 1950 đến 1980, Amato và Keith (1991b) đã báo cáo rằng 70% các nghiên cứu tìm thấy mức độ an lạc (hạnh phúc & bình an) kém hơn ở trẻ em có cha mẹ ly hôn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn; kích thước hiệu ứng trung vị là .14 của một độ lệch chuẩn. Các vấn đề về hành vi và kết quả của mối quan hệ cha – con đã cho thấy kích thước hiệu ứng lớn nhất, và các kết quả về điều chỉnh tâm lý và tự nhận thức cho thấy kích thước hiệu ứng nhỏ nhất (Amato & Keith, 1991b). Amato (2001) đã cập nhật phân tích tổng hợp sử dụng 67 nghiên cứu được công bố trong những năm 1990. Mặc dù 88% các hiệu ứng gợi ý mức độ an lạc kém hơn ở trẻ em có cha mẹ ly hôn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn, chỉ có 42% các hiệu ứng là đáng kể (Amato, 2001). Đã có rất nhiều tranh luận trong tài liệu nghiên cứu liên quan đến mức độ mà những hiệu ứng này có thể được quy cho chính việc ly hôn hay do các yếu tố liên quan như tiếp xúc với xung đột giữa cha mẹ.

Mục đích chính của bài đánh giá này là cung cấp một cái nhìn tổng quát về những sắc thái đa diện được thể hiện trong các mô hình kết quả liên quan đến mối liên hệ giữa việc ly hôn của cha mẹ và sự thích nghi ngắn hạn và dài hạn của trẻ em. Đầu tiên, tôi xem xét mối liên hệ giữa ly hôn và nhiều khía cạnh khác nhau ở sự thích nghi của trẻ em. Thứ hai, tôi khảo sát thời điểm ly hôn, đặc điểm nhân khẩu học, sự thích nghi của trẻ em trước khi ly hôn, và sự kỳ thị như những yếu tố điều tiết (moderators) mối liên kết giữa ly hôn và sự thích nghi của trẻ em. Thứ ba, tôi xem xét thu nhập, xung đột giữa cha mẹ, việc nuôi dưỡng, và trạng thái an lạc của cha mẹ như là những yếu tố trung gian (mediators) trong mối quan hệ giữa ly hôn và sự thích nghi của trẻ em. Thứ tư, tôi mô tả những lưu ý và hạn chế của tài liệu nghiên cứu. Cuối cùng, tôi xem xét các chính sách đáng chú ý liên quan đến lý do cho việc ly hôn, trợ cấp nuôi con (child support), và quyền giám hộ con cái (child custody) dưới góc độ ảnh hưởng của chúng đến việc thích nghi của trẻ em với việc ly hôn của cha mẹ.

CÁC CHỈ SỐ VỀ SỰ THÍCH NGHI CỦA TRẺ EM

Mặc dù những phát hiện về việc ly hôn của cha mẹ có liên quan như thế nào đến sự thích nghi của trẻ em không phải lúc nào cũng rõ ràng trong tài liệu nghiên cứu, nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng trẻ em trải qua ly hôn của cha mẹ có nguy cơ đối mặt với nhiều kết quả phát triển tiêu cực / negative developmental outcomes (xem Cherlin, 1999, để biết thêm thông tin chi tiết). Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của những tác động này dường như phụ thuộc vào các chỉ số thích nghi được xem xét, và một số nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt về các kết quả cụ thể giữa trẻ em có cha mẹ ly hôn và những trẻ có cha mẹ vẫn ở bên nhau (Ruschena, Prior, Sanson, & Smart, 2005). Hành vi bộc lộ ra bên ngoài, vấn đề nội tâm, thành tích học tập và chất lượng các mối quan hệ xã hội thường được bao gồm trong các chỉ số thích nghi trong tài liệu nghiên cứu về ly hôn. Các nghiên cứu đã kiểm tra những chỉ số này tại các điểm thời gian cụ thể cung cấp một số bằng chứng rằng trẻ em có cha mẹ đã ly hôn gặp phải nhiều vấn đề bộc lộ ra bên ngoài và nội tâm hơn, thành tích học tập kém hơn và các mối quan hệ xã hội có vấn đề hơn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn (ví dụ: Cherlin và cộng sự, 1991; Emery, Waldron, Kitzmann, & Aaron, 1999).

Các phân tích tổng hợp (meta-analyses) đã tiết lộ rằng ly hôn có ảnh hưởng lớn hơn đối với mối quan hệ với cha không cùng chung sống và các hành vi bên ngoài so với các vấn đề nội tâm hoặc thành tích học tập (Amato, 2001; Amato & Keith, 1991b). Trong phân tích tổng hợp trước đó (Amato & Keith, 1991b), đã phát hiện ra rằng ly hôn có ảnh hưởng lớn hơn đối với thành tích học tập so với các vấn đề nội tâm, nhưng trong phân tích tổng hợp sau này (Amato, 2001), ly hôn được tìm thấy có ảnh hưởng lớn hơn đối với các vấn đề nội tâm so với thành tích học tập. Trong những phân tích này, kích thước hiệu ứng phụ thuộc vào sự tinh vi về mặt phương pháp luận của các nghiên cứu được xem xét. Những nghiên cứu có phương pháp luận tinh vi hơn (ví dụ, những nghiên cứu sử dụng thang điểm nhiều mục tiêu và biến số kiểm soát) cho thấy kích thước hiệu ứng nhỏ hơn so với những nghiên cứu ít tinh vi về mặt phương pháp luận (less methodologically sophisticated studies). Các nghiên cứu không tinh vi về mặt phương pháp luận có thể đánh giá quá cao ảnh hưởng của ly hôn đối với trẻ em. Chẳng hạn, nếu không kiểm soát được tình trạng kinh tế xã hội, trẻ em đã trải qua ly hôn của

cha mẹ và sống cùng mẹ đơn thân có thể cho thấy sự điều chỉnh tồi tệ hơn so với trẻ em sống cùng hai bậc cha mẹ, một phần do hiệu ứng gây rối của việc có ít nguồn lực kinh tế trong gia đình mẹ đơn thân.

Một vấn đề khi dựa vào chỉ số thích nghi được đo lường tại một thời điểm duy nhất là những chỉ số này có khả năng trông tồi tệ hơn nếu chúng được đánh giá gần với thời điểm ly hôn, nhưng chúng ta thấy sự cải thiện theo thời gian bởi vì những ảnh hưởng ngắn hạn của ly hôn thường trông tồi tệ hơn so với những ảnh hưởng lâu dài. Việc xem xét các quỹ đạo phát triển của việc thích ứng (developmental trajectories of adjustment) có nhiều lợi ích hơn so với việc xem xét sự thích ứng tại các thời điểm rời rạc. Việc xem xét các quỹ đạo cho phép theo dõi sự thay đổi theo thời gian, từ trước khi ly hôn xảy ra cho đến một khoảng thời gian nào đó sau khi ly hôn. Việc bao gồm sự thích ứng trước ly hôn trong các mô hình này là quan trọng bởi vì có bằng chứng cho thấy trẻ em có cha mẹ cuối cùng ly hôn đã có sự thích ứng kém hơn vào thời điểm trước khi ly hôn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn (ví dụ, Cherlin, Chase-Lansdale, & McRae, 1998; Doherty & Needle, 1991). Mối liên kết giữa việc ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của trẻ em thường được giảm bớt hoặc loại bỏ bằng cách kiểm soát sự thích ứng vào thời điểm trước khi ly hôn. Ví dụ, Sun và Li (2001) đã sử dụng dữ liệu dài hạn từ một mẫu được đại diện toàn quốc và phát hiện ra rằng những khác biệt trong thành tích học tập giữa trẻ em có cha mẹ ly hôn và trẻ em có cha mẹ vẫn ở lại với nhau có thể được giải thích gần như hoàn toàn bởi thành tích học tập và chức năng gia đình của trẻ em trước khi ly hôn.

Mặc dù người ta có thể kiểm soát sự thích ứng trước đó trong các phân tích dự đoán sự thích ứng tiếp theo tại một thời điểm cụ thể, những phân tích này không cho phép xem xét việc các hiệu ứng này tiếp tục phát triển theo thời gian. Trẻ em thường gặp nhiều khó khăn trong việc thích ứng ngắn hạn ngay sau khi bố mẹ chúng ly hôn, nhưng những khó khăn này có thể giảm bớt về mức độ hoặc biến mất sau một giai đoạn điều chỉnh (thích ứng) ban đầu (Chase-Lansdale & Hetherington, 1990). Việc nghiên cứu các quỹ đạo thích ứng kéo dài từ trước khi bố mẹ ly hôn cho đến một khoảng thời gian lâu sau khi ly hôn sẽ cung cấp một

bức tranh hoàn chỉnh hơn về sự điều chỉnh (thích ứng) lâu dài của trẻ em.

Để vượt qua những hạn chế của các phương pháp cắt ngang (cross-sectional approaches), Cherlin và cộng sự (1998) đã theo dõi một mẫu lớn trẻ em sinh năm 1958 tại Anh Quốc từ thuở ấu thơ cho đến tuổi 33. Trước khi bố mẹ họ ly hôn, những cá nhân có bố mẹ sau này ly hôn đã gặp phải nhiều vấn đề nội tâm và hành vi bên ngoài hơn so với những người có bố mẹ không ly hôn. Tuy nhiên, chính việc ly hôn cũng góp phần làm tăng mức độ vấn đề nội tâm và hành vi bên ngoài lâu dài vào tuổi trưởng thành. Quan trọng là phải lưu ý rằng kết quả nghiên cứu của họ cho thấy một số ảnh hưởng của việc ly hôn trong thời thơ ấu có thể không biểu hiện ngay sau khi ly hôn và chúng có thể không trở nên rõ ràng cho đến khi bước vào tuổi thiếu niên hoặc trưởng thành. Khoảng cách giữa các nhóm cá nhân có bố mẹ đã và chưa ly hôn ngày càng mở rộng theo thời gian từ thời thơ ấu đến tuổi trưởng thành. Cherlin và cộng sự (1998) gợi ý rằng việc ly hôn của cha mẹ có thể cản trở thành tích học vấn hoặc làm gián đoạn các mối quan hệ xã hội theo cách không rõ ràng cho đến khi trẻ em cố gắng gia nhập thị trường lao động, kết hôn, hoặc có con cái của riêng mình.

Trong một mẫu nghiên cứu trẻ em Mỹ được theo dõi từ trước khi vào mẫu giáo cho đến lớp 10, Malone và cộng sự (2004) đã sử dụng các mô hình điểm thay đổi tiềm ẩn (latent change score models) để xem xét các quỹ đạo của hành vi bên ngoài được giáo viên đánh giá theo thời gian. Việc ly hôn của cha mẹ không liên quan đến quỹ đạo hành vi phản ứng bên ngoài của các bé gái, bất kể thời điểm ly hôn. Ly hôn của cha mẹ liên quan đến quỹ đạo hành vi phản ứng bên ngoài của các bé trai một cách khác nhau tùy thuộc vào thời điểm ly hôn. Cụ thể, ly hôn của cha mẹ trong thời gian tiểu học liên quan đến sự tăng cường trong hành vi phản ứng bên ngoài của các bé trai, bắt đầu từ năm ly hôn và kéo dài suốt nhiều năm sau đó. Ly hôn của cha mẹ trong thời gian trung học cơ sở liên quan đến sự tăng cường trong hành vi phản ứng bên ngoài của các bé trai trong năm ly hôn, sau đó giảm xuống dưới mức cơ bản trong năm tiếp theo và vẫn tiếp tục trong những năm sau.

Nhiều nghiên cứu cũng đề cập đến việc ly hôn của cha mẹ trong thời thơ ấu liệu có liên quan đến những ảnh hưởng lâu dài đối với mối quan hệ lãng mạn của người trưởng thành [của chính đứa trẻ đó khi lớn lên] và mối quan hệ với cha mẹ của họ sau này hay không. Các nghiên cứu qua nhiều thế hệ cho thấy ly hôn của cha mẹ làm tăng gấp đôi nguy cơ hôn nhân của chính người đó [đứa trẻ khi trưởng thành] sẽ kết thúc bằng ly hôn, phần nào là do những người có cha mẹ đã ly hôn ít có khả năng xem hôn nhân là một cam kết suốt đời (Amato & DeBoer, 2001); nguy cơ này càng tăng lên nếu cả hai vợ chồng đều trải qua việc ly hôn của cha mẹ (Hetherington & Elmore, 2004). Cũng có bằng chứng cho thấy sự lây truyền ly hôn qua các thế hệ (intergenerational transmission of divorce) có yếu tố trung gian từ những thiếu sót về kỹ năng giao tiếp (ví dụ, các mô hình giao tiếp không thuận lợi cho việc duy trì một mối quan hệ thân mật lâu dài) khiến cho việc duy trì các mối quan hệ thân mật của cá nhân (có cha mẹ đã ly hôn) trở nên khó khăn hơn (Amato, 1996). Ngoài nguy cơ gặp khó khăn hơn trong các mối quan hệ lãng mạn, người có cha mẹ ly hôn còn có chất lượng quan hệ thấp hơn tính trên trung bình với cha mẹ (đặc biệt là với cha) trong tuổi trưởng thành (Lye, 1996). Tuy nhiên, những liên kết này phụ thuộc vào chất lượng hôn nhân của cha mẹ trước khi ly dị, giới tính của phụ huynh và giới tính của con cái đã trưởng thành (Booth & Amato, 1994; Orbuch, Thornton, & Cancio, 2000).

Tóm lại, nghiên cứu cho thấy trẻ em có cha mẹ đã ly hôn thường có mức độ hành vi bên ngoài và vấn đề nội tâm cao hơn, thành tích học tập thấp hơn, và gặp nhiều vấn đề trong các mối quan hệ xã hội hơn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn. Tuy nhiên, mức độ của những ảnh hưởng này được giảm bớt sau khi kiểm soát các yếu tố như sự thích ứng của trẻ trước khi ly hôn và các yếu tố tiềm ẩn khác. Hơn nữa, mặc dù trẻ em có cha mẹ ly hôn trung bình có sự thích nghi kém hơn so với trẻ em có cha mẹ ở lại với nhau, nhưng phần lớn trẻ em có cha mẹ ly hôn không gặp phải kết quả tiêu cực lâu dài. Ví dụ, trong nghiên cứu dài hạn của mình về một mẫu đại diện cho 17.414 cá nhân ở Anh Quốc được theo dõi từ khi 7 tuổi cho đến 23 tuổi, Chase-Lansdale, Cherlin và Kiernan (1995) báo cáo rằng khả năng đạt điểm trong phạm vi lâm sàng trên Bảng Kiểm Malaise, đo lường nhiều loại rối loạn cảm xúc ở người lớn, là 11% đối với người trưởng thành trẻ tuổi đã trải qua ly hôn của

cha mẹ và là 8% đối với những người không trải qua ly hôn của cha mẹ. Tuy nhiên, phân tích sử dụng dữ liệu từ mẫu người này sau khi được theo dõi đến tuổi 33 đã dẫn Cherlin và cộng sự (1998) kết luận rằng khoảng cách điều chỉnh giữa những cá nhân đã và chưa từng trải qua ly hôn của cha mẹ là sự chênh lệch về trải nghiệm ly hôn của cha mẹ đã mở rộng theo thời gian và mặc dù một phần tác động của việc ly hôn của cha mẹ có thể được quy cho các yếu tố trước khi ly hôn, việc trải qua ly hôn của cha mẹ trong thời thơ ấu có liên quan đến tình trạng sức khỏe tâm thần tồi tệ hơn khi con cái ở độ tuổi 20 và 30.

Hetherington và Kelly (2002) kết luận rằng 25% người có cha mẹ ly hôn gặp phải những vấn đề nghiêm trọng và lâu dài về mặt xã hội, cảm xúc hoặc tâm lý khi trưởng thành so với 10% người có cha mẹ không ly hôn; tuy nhiên, điều này cũng có nghĩa là 75% người có cha mẹ ly hôn không gặp phải những tổn thương lâu dài khi trưởng thành. Ngay cả những nghiên cứu chỉ ra ảnh hưởng lâu dài của việc ly hôn cũng báo cáo rằng mức độ ảnh hưởng thường nhỏ. Ví dụ, Allison và Furstenberg (1989) sử dụng dữ liệu theo dõi từ một mẫu đại diện quốc gia và kết luận rằng mặc dù ly hôn liên quan đến vấn đề về hành vi, căng thẳng tâm lý và thành tích học tập thấp, nhưng kích thước hiệu ứng của ly hôn nhỏ hơn so với những khác biệt giới tính (nhưng lớn hơn so với nhiều biến số nhân khẩu học khác). Amato (2003) kết luận rằng khoảng 10% trẻ em có cha mẹ ly hôn lớn lên có sức khỏe tâm lý kém hơn so với dự đoán nếu cha mẹ họ không ly hôn, 18% trẻ em có cha mẹ ly hôn gặp phải nhiều xung đột hôn nhân khi trưởng thành hơn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn, và 35% trẻ em có cha mẹ ly hôn có mối quan hệ tồi tệ với cha của chúng so với trẻ em có cha mẹ vẫn ở lại với nhau. Laumann-Billings và Emery (2000) cảnh báo rằng các nhà nghiên cứu và chuyên gia lâm sàng có thể đưa ra các kết luận khác nhau về ảnh hưởng lâu dài của việc ly hôn bởi vì các nhà nghiên cứu thường nghiên cứu về các vấn đề tâm lý hoặc hành vi, trong khi các chuyên gia lâm sàng thường đối diện với ấn tượng chủ quan của khách hàng về căng thẳng tâm lý của họ (có thể không biểu hiện trong các rối loạn tâm lý hoặc hành vi). Tổng kết lại, những phát hiện này cho thấy phần lớn trẻ em có cha mẹ ly hôn không gặp phải các vấn đề thích ứng lâu dài, nhưng nguy cơ về các hành vi bên ngoài, các vấn đề nội tâm hóa, thành tích học tập kém và các mối quan hệ xã hội gặp rắc rối là cao hơn ở trẻ em có cha mẹ ly hôn so với

những người có cha mẹ không ly tán. Các trẻ khác nhau có thể biểu hiện các vấn đề thích ứng theo những cách khác nhau. Nghiên cứu trong tương lai nên áp dụng phương pháp tiếp cận lấy con người làm trung tâm (person-centered approach) để điều tra xem liệu rằng, ví dụ như, những trẻ có điểm số giảm sút có phải chính là những trẻ gặp phải các vấn đề tiêu cực nội tâm hay vấn đề hành vi bên ngoài gia tăng sau khi cha mẹ chúng ly hôn hay không.

NHỮNG YẾU TỐ ĐIỀU TIẾT (MODERATORS) ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỐI LIÊN KẾT GIỮA LY HÔN VÀ SỰ THÍCH NGHI CỦA TRẺ EM

Mặc dù nghiên cứu cho thấy ly hôn có liên quan đến sự thích nghi của trẻ em, có rất nhiều bằng chứng cho thấy những ảnh hưởng này không hoạt động giống nhau đối với tất cả trẻ em. Mối liên kết giữa ly hôn và sự thích nghi của trẻ em được điều tiết bởi một số yếu tố, bao gồm tuổi của trẻ khi cha mẹ chúng ly hôn, tuổi của trẻ tại thời điểm nghiên cứu, khoảng thời gian kể từ khi ly hôn, các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ (giới tính, chủng tộc/sắc tộc), sự thích ứng của trẻ trước khi ly hôn, và sự kỳ thị đối với ly hôn (tùy theo địa điểm hoặc thời kỳ lịch sử).

Tuổi của trẻ khi cha mẹ ly hôn, tuổi tại thời điểm nghiên cứu, và khoảng thời gian kể từ khi ly hôn

Các nghiên cứu đã cho thấy kết quả không nhất quán về việc thời điểm ly hôn ảnh hưởng như thế nào đến việc thích ứng của trẻ em (xem Hetherington, Bridges, & Insabella, 1998). Hetherington (1989) gợi ý rằng, so với trẻ lớn tuổi hơn, trẻ nhỏ có thể kém khả năng đánh giá một cách thực tế nguyên nhân và hậu quả của ly hôn, có thể cảm thấy lo lắng hơn về việc bị bỏ rơi, có khả năng tự trách bản thân mình cao hơn và ít có khả năng tận dụng các nguồn lực bên ngoài gia đình để đối phó với ly hôn. Tất cả những yếu tố này có thể góp phần vào kết quả là trẻ nhỏ tuổi hơn gặp phải nhiều vấn đề hơn sau khi cha mẹ ly hôn so với trẻ lớn tuổi hơn, khi ly hôn xảy ra (Allison & Furstenberg, 1989). Lưu ý rằng kết luận này áp dụng cụ thể cho chuyện ly hôn; các phát hiện khác cho thấy việc thích ứng với sự kiện cha mẹ tái hôn có thể khó khăn hơn cho thanh thiếu niên so với trẻ nhỏ (Hetherington, Stanley-Hagan, & Anderson, 1989). Có thể ly hôn ảnh hưởng đến các kết quả cụ thể mà nổi bật trong giai đoạn phát triển mà ly hôn xảy ra. Ví dụ, thành tích học

tập, phát triển bản sắc và mối quan hệ lãng mạn chớm nở có thể bị ảnh hưởng bởi ly hôn xảy ra trong tuổi thanh thiếu niên bởi vì những lĩnh vực hoạt động này đang phát triển mạnh vào lúc đó.

Một vấn đề phương pháp luận là trong nhiều nghiên cứu, tuổi của trẻ được báo cáo phản ánh tuổi của chúng vào thời điểm nghiên cứu chứ không phải tuổi của chúng vào thời điểm cha mẹ ly hôn. Amato (2001) đã chỉ ra sự thiếu sót này về việc không có sẵn thông tin về tuổi của trẻ vào thời điểm cha mẹ ly hôn là một giới hạn trong phân tích tổng hợp của ông. Phương pháp tiếp cận thông dụng nhất là nghiên cứu trẻ em ở một giai đoạn phát triển cụ thể (ví dụ: tuổi thơ ấu, giai đoạn giữa, và tuổi thanh thiếu niên) và so sánh sự điều chỉnh của trẻ em có cha mẹ đã ly hôn với sự điều chỉnh của trẻ em có cha mẹ không ly hôn. Một nhược điểm của chiến lược này là khoảng thời gian giữa việc cha mẹ ly hôn và thời điểm đánh giá sẽ biến động đáng kể trong mẫu nghiên cứu.

Lansford và cộng sự (2006) đã giải quyết giới hạn này bằng cách sử dụng thời điểm ly hôn của cha mẹ làm điểm neo và mô phỏng các quỹ đạo điều chỉnh qua khoảng từ 1 năm trước khi ly hôn đến 3 năm sau khi ly hôn. Phương pháp tiếp cận này cho phép so sánh trẻ em tại các điểm thời gian tương đương liên quan đến việc cha mẹ chúng ly hôn.

Lansford và cộng sự (2006) cũng đã phân tích một nhóm trẻ em được ghép nối (matched group)* có cha mẹ không ly dị. Kết quả cho thấy việc cha mẹ ly dị từ khi bé trong giai đoạn mẫu giáo (kindergarten) cho đến lớp 5 gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực hơn liên quan đến các vấn đề nội tâm hóa (internalizing) và hành vi bên ngoài (externalizing) so với việc cha mẹ ly dị từ lớp 6 đến lớp 10, trong khi việc cha mẹ ly dị từ lớp 6 đến lớp 10 lại gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến điểm số.

(*) matched group: là nhóm so sánh có đặc điểm nhân khẩu học và các yếu tố khác tương tự nhóm đối tượng chính của nghiên cứu, ngoại trừ yếu tố khác biệt cần kiểm tra, trong trường hợp này là ly hôn. Việc lựa chọn như vậy giúp các yếu tố nhiễu giảm thiểu ảnh hưởng đến kết quả, và do vậy kết luận sẽ chính xác hơn - btv.

Đặc điểm nhân khẩu của trẻ em

Các nhà nghiên cứu đã cố gắng tìm hiểu xem các đặc điểm nhân khẩu học của trẻ em (chủ yếu là giới tính và chủng tộc) có thể điều tiết mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và sự thích nghi của trẻ như thế nào. Các kết quả nghiên cứu ban đầu cho thấy rằng việc cha mẹ ly hôn có

liên quan đến nhiều khó khăn trong việc thích ứng ở con trai hơn con gái nhưng việc tái hôn của cha mẹ có liên quan đến nhiều khó khăn trong việc thích ứng ở con gái hơn là con trai (xem Hetherington, Cox, & Cox, 1985). Tuy nhiên, những phát hiện gần đây lại mang tính hỗn hợp hơn; không có mô hình nhất quán nào về việc ly hôn có ảnh hưởng bất lợi hơn đến bé gái hay bé trai. Một số nghiên cứu báo cáo rằng con trai gặp nhiều vấn đề về thích ứng hơn con gái sau khi cha mẹ ly hôn (Morrison & Cherlin, 1995; Shaw, Emery, & Tuer, 1993). Các nghiên cứu khác báo cáo rằng con gái gặp nhiều vấn đề về thích ứng hơn con trai sau khi cha mẹ ly hôn (Allison & Furstenberg, 1989). Vẫn còn những nghiên cứu khác báo cáo không có sự khác biệt về giới tính (ví dụ: Amato & Cheadle, 2005; Sun & Li, 2002). Cũng có bằng chứng cho thấy những kết quả cụ thể bị ảnh hưởng bởi việc ly hôn của cha mẹ có thể khác nhau tùy theo giới tính. Ví dụ, người ta phát hiện ra rằng việc sinh con sớm có liên quan đến việc cha mẹ ly hôn ở các bé gái, và tỷ lệ thất nghiệp cao hơn được phát hiện là có liên quan đến việc cha mẹ ly hôn ở các bé trai (McLanahan, 1999). Trong phân tích tổng hợp của họ, Amato và Keith (1991b) không tìm thấy sự khác biệt về giới tính, ngoại trừ việc các cậu bé có cha mẹ ly hôn gặp khó khăn hơn trong việc thích nghi với xã hội (adjusting socially) so với các bé gái.

Người ta đề xuất rằng việc cha mẹ ly hôn có thể có tác động ít tiêu cực hơn đối với trẻ em người Mỹ gốc Phi so với trẻ em người Mỹ gốc Âu (Jeynes, 2002). Cụ thể, các nhà nghiên cứu cho rằng vì trẻ em người Mỹ gốc Phi có xu hướng ít bị giảm thu nhập hộ gia đình hơn sau khi cha mẹ ly hôn và có một chuẩn mực lớn hơn về việc làm cha mẹ đơn thân trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi (Cherlin, 1998; Laosa, 1988), những yếu tố này có thể giảm thiểu tác động của việc ly hôn đối với thanh niên người Mỹ gốc Phi. Nghiên cứu đánh giá những tác động này đã đưa ra những kết quả khác nhau, nhưng một phân tích tổng hợp gồm 37 nghiên cứu điều tra mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và an lạc (wellbeing) của người trưởng thành cho thấy mức độ ảnh hưởng nhỏ hơn đối với người Mỹ gốc Phi so với người Mỹ gốc Âu (Amato & Keith, 1991a), điều này phù hợp với giả thuyết rằng ly hôn sẽ có tác động ít tiêu cực hơn đối với trẻ em người Mỹ gốc Phi so với trẻ em người Mỹ gốc Âu.

Sự thích ứng của con cái trước khi ly hôn

Một số bằng chứng cho thấy rằng những đứa trẻ có cha mẹ ly hôn đã gặp nhiều vấn đề về thích ứng hơn từ nhiều năm trước khi cha mẹ chúng ly hôn (Cherlin và cộng sự, 1998). Các yếu tố di truyền (genetic factors) hoặc yếu tố môi trường (environmental factors) khác có thể góp phần gây ra những vấn đề về thích ứng này, và sự thích ứng của con cái có thể cũng có vấn đề tương tự ngay cả khi cha mẹ không ly hôn. Chase-Lansdale và cộng sự (1995) nhận thấy các vấn đề về thích ứng sau ly hôn của cha mẹ tăng mạnh hơn ở những đứa trẻ được thích ứng tốt trước khi ly hôn so với những đứa trẻ có rắc rối về thích ứng trước ly hôn (hoặc ở những đứa trẻ có cha mẹ không ly hôn). Tuy nhiên, sự thích ứng lâu dài của những đứa trẻ có rắc rối về thích ứng trước khi ly hôn lại tệ hơn so với những đứa trẻ được thích ứng tốt hơn trước khi ly hôn (Chase-Lansdale và cộng sự, 1995). Kiểm soát sự thích ứng của con cái trước khi cha mẹ ly hôn làm giảm đáng kể sự khác biệt giữa con cái có cha mẹ ly hôn và con cái có cha mẹ vẫn ở bên nhau (Cherlin và cộng sự, 1991).

Những đứa trẻ có những đặc điểm tích cực như sức hấp dẫn (attractiveness), tính tình dễ gần (easy temperament) và năng lực xã hội (social competence) cũng kiên cường hơn sau khi cha mẹ ly hôn (Hetherington và cộng sự, 1989). Một phần, điều này có thể là do trẻ em có những đặc điểm như vậy có nhiều khả năng nhận được mạng lưới hỗ trợ mạnh mẽ bên ngoài gia đình (ví dụ: từ giáo viên hoặc bạn bè) và thu hút được những phản hồi tích cực từ người khác. Trong một mẫu dịch tễ học gồm 648 trẻ em được đánh giá ban đầu khi chúng 1–10 tuổi và được đánh giá lại 8 năm sau đó, Kasen, Cohen, Brook và Hartmark (1996) đã tìm thấy những tương tác đáng kể giữa tính khí được đánh giá trong 10 năm đầu đời và cấu trúc gia đình trong việc dự đoán những thích ứng tiếp theo. Đặc biệt, nguy cơ mắc chứng rối loạn thách thức chống đối (oppositional defiant disorder / ODD) càng trầm trọng hơn đối với những trẻ có vấn đề về tình cảm sớm và sống với mẹ đơn thân hoặc trong gia đình kế [gia đình hình thành khi cha mẹ ruột lấy người mới]; Các tác giả suy đoán rằng áp lực của việc thích nghi với cách sắp xếp cuộc sống mới có thể đã làm át khả năng ứng phó của những đứa trẻ vốn đã dễ bị tổn thương này. Mặt khác, Kasen và cộng sự (1996) cũng phát hiện ra rằng nguy cơ rối loạn lo âu quá mức giảm ở trẻ em (đặc

biệt là các bé trai), những trẻ còn non nớt về mặt xã hội và sống với mẹ đơn thân; các tác giả suy đoán rằng việc cần phải đóng nhiều vai trò “người lớn” hơn trong gia đình đơn thân có thể đã nâng cao các kỹ năng xã hội của những đứa trẻ chưa trưởng thành trước đây. Vì vậy, sự thích ứng của con cái có thể làm giảm bớt tác động của việc ly hôn đối với sự thích ứng sau này.

Kỳ thị

Ở cấp độ xã hội, sự kỳ thị được coi là yếu tố điều tiết tiềm năng cho mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và sự thích nghi của con cái. Ly hôn được cho là sẽ có nhiều tác động bất lợi hơn đối với trẻ em trong bối cảnh xã hội trong đó các hình thức gia đình không phải là gia đình ruột thịt có hai cha mẹ bị kỳ thị, so với những xã hội chấp nhận nhiều hình thức gia đình đa dạng hơn. Có một số hỗ trợ thực nghiệm cho quan điểm này. Ví dụ, phân tích tổng hợp của Amato và Keith (1991b) cho thấy mức độ ảnh hưởng nhỏ hơn đối với một số kết quả trong các nghiên cứu gần đây hơn so với các nghiên cứu từ những thập kỷ trước, cho thấy rằng tác động của việc ly hôn trở nên ít rõ ràng hơn theo thời gian từ những năm 1950 đến những năm 1980. Amato và Keith cũng báo cáo rằng các nghiên cứu được thực hiện bên ngoài Hoa Kỳ nhìn chung phát hiện ra nhiều vấn đề về hành vi, điều chỉnh tâm lý và cả mối quan hệ mẹ con và cha con hơn so với các nghiên cứu được thực hiện ở Hoa Kỳ. Một lời giải thích cho những phát hiện này là việc ly hôn ở Hoa Kỳ ít bị kỳ thị hơn so với nhiều quốc gia khác (Amato & Keith, 1991b). Mặt khác, Amato (2001) nhận thấy rằng mặc dù việc thích ứng của trẻ em có cha mẹ đã ly hôn và không ly hôn trở nên ngày càng tương đồng theo thời gian từ những năm 1950 đến những năm 1980, nhưng khoảng cách giữa hai nhóm này bắt đầu tăng lên trở lại vào những năm 1990 (Reifman, Villa, Amans, Rethinam, & Telesca, 2001, đã đưa ra kết luận tương tự). Không rõ liệu sự kỳ thị đã tăng lên trở lại trong cùng khoảng thời gian này hay không.

NHỮNG YẾU TỐ TRUNG GIAN (MEDIATORS) TRONG MỐI LIÊN KẾT GIỮA VIỆC LY HÔN VÀ SỰ THÍCH ỨNG CỦA TRẺ EM

Các nhà nghiên cứu hiện nay không chỉ đơn giản so sánh sự thích ứng của trẻ em có cha mẹ đã ly hôn và chưa ly hôn. Thay vào đó, họ đã áp

dụng các mô hình phức tạp hơn để tìm hiểu mối liên quan giữa việc ly hôn và sự thích ứng của trẻ em, đồng thời nghiên cứu các yếu tố điều tiết như đã mô tả trước đây hoặc phân tích dữ liệu để hiểu rõ các cơ chế mà qua đó ly hôn có thể ảnh hưởng đến sự thích ứng của trẻ em. Một số học giả đã lập luận rằng các quá trình xảy ra (processes occurring) trong tất cả các loại gia đình là quan trọng hơn so với cấu trúc gia đình (family structure) liên quan đến sự ổn định của trẻ em và thanh thiếu niên (ví dụ, Dunn, Deater-Deckard, Pickering, & O'Connor, 1998; Lansford, Ceballo, Abbey, & Stewart, 2001). Việc xem xét quá trình gia đình (family process) và các biến số trung gian khác (other mediating variables) làm giảm bớt mối liên kết giữa việc trải qua ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của trẻ em (ví dụ, Amato & Keith, 1991b; Mechanic & Hansell, 1989). Cũng cần phải nhớ rằng ly hôn có thể được hiểu nhiều hơn khi xem nó như là một quá trình chứ không chỉ là một sự kiện riêng lẻ (divorce can be conceptualized more as a process than as a discrete event), với các quá trình gia đình diễn ra trước và sau khi ly hôn là một phần không thể tách rời của chính việc ly hôn.

Thu nhập

Khi xem xét năm quan điểm lý thuyết về lý do tại sao những chuyển đổi trong hôn nhân có thể liên quan đến sự thích ứng của con cái, Hetherington và cộng sự (1998) tìm thấy một số bằng chứng ủng hộ quan điểm bất lợi về mặt kinh tế, cho thấy rằng thu nhập hộ gia đình giảm thường đi kèm với việc ly hôn và làm trung gian cho mối liên hệ giữa việc ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của con cái. 28% bà mẹ đơn thân và 11% ông bố đơn thân sống trong nghèo đói so với 8% gia đình có cả cha và mẹ (Grall, 2007). Sau khi cha mẹ ly hôn, trẻ em thường sống với những bà mẹ đơn thân không có nguồn lực tài chính như trước khi ly hôn, đặc biệt nếu trẻ không nhận được khoản trợ cấp nuôi con thường xuyên (regular child-support payments) từ những người cha không cư trú (nonresidential fathers). Điều này đôi khi dẫn đến hệ quả phải có sự thay đổi, theo hướng chất lượng thấp đi về nhà ở, khu dân cư và trường học. Những khó khăn kinh tế này và di chứng của chúng có thể dẫn đến các vấn đề về hành vi và cảm xúc ở trẻ em. Ví dụ, Guidubaldi, Cleminshaw, Perry và McLoughlin (1983) đã khảo sát trẻ em có cha mẹ đã và chưa ly hôn và tìm thấy sự khác biệt giữa họ ở 27 trên 34 kết quả trước khi kiểm soát thu nhập, nhưng chỉ tìm thấy 13

điểm khác biệt giữa họ sau khi kiểm soát thu nhập, điều đó cho thấy rằng thu nhập đóng một vai trò quan trọng nhưng không giải thích được toàn bộ ảnh hưởng của việc ly hôn đối với việc thích ứng ở trẻ em. Hơn nữa, khả năng thích ứng của trẻ thường trở nên tồi tệ hơn là cải thiện sau khi tái hôn, [mặc dù] kèm theo sự kiện đó là sự gia tăng nguồn lực kinh tế (Hetherington và cộng sự, 1989). Tổng hợp lại, những phát hiện này cho thấy rằng thu nhập là quan trọng, nhưng có nhiều nguyên nhân góp phần gây ra vấn đề thích ứng của trẻ sau ly hôn hơn là việc giảm thu nhập hộ gia đình.

Xung đột giữa cha mẹ

Xung đột giữa cha mẹ đã nhận được sự chú ý đáng kể từ các nghiên cứu thực nghiệm. Có bằng chứng nhất quán cho thấy mức độ xung đột cao giữa cha mẹ có hậu quả tiêu cực và lâu dài đối với sự thích ứng của trẻ em (Davies & Cummings, 1994; Grych & Fincham, 1990). Amato (1993) và Hetherington và cộng sự (1998) đã tìm thấy nhiều bằng chứng ủng hộ quan điểm rằng xung đột giữa cha mẹ là nguyên nhân liên quan đến sự thích ứng của trẻ em hơn là bất kỳ lý thuyết nào khác đã được đề xuất để giải thích mối liên kết này. Trung bình qua các phép đo trong bài phân tích của họ, trẻ em trong gia đình có xung đột cao nhưng gia đình không ly tán có điểm chuẩn .32 thấp hơn so với trẻ em trong gia đình ít xung đột và .12 thấp hơn so với trẻ em trong gia đình ly hôn về khía cạnh thích ứng, điều đó cho thấy việc tiếp xúc với mức độ xung đột cao có hại cho trẻ em hơn là việc ly hôn của cha mẹ (Hetherington và cộng sự, 1998). Để minh họa, sử dụng dữ liệu từ Cuộc Khảo Sát Quốc Gia về Gia Đình và Hộ Gia Đình (National Survey of Families and Households), Vandewater và Lansford (1998) đã phát hiện ra rằng khi xem xét cùng lúc xung đột giữa cha mẹ và cấu trúc gia đình (kết hôn và không bao giờ ly hôn so với ly hôn và không tái hôn) sau khi kiểm soát các biến số nhân khẩu học gia đình và sự thích ứng trước của trẻ, xung đột cao giữa cha mẹ liên quan đến nhiều hành vi bên ngoài, vấn đề nội tâm, và rắc rối với bạn bè, nhưng cấu trúc gia đình không có mối liên quan có ý nghĩa tới kết quả của trẻ. Việc phát hiện ra rằng trẻ em có cha mẹ ly hôn trông tồi tệ hơn trước khi ly hôn so với những trẻ em tương tự có cha mẹ không ly hôn cũng phù hợp với quan điểm này; sự thích ứng

tồi tệ trước khi ly hôn có thể được giải thích, ít nhất là một phần, do tiếp xúc với xung đột giữa cha mẹ.

Nếu ly hôn dẫn đến việc giảm sự tiếp xúc của trẻ em với xung đột giữa cha mẹ (reduction in children's exposure to interparental conflict), người ta có thể mong đợi rằng sự thích ứng của chúng sẽ được cải thiện. Thật vậy, vấn đề này nằm ở trọng tâm của câu hỏi, của các bậc làm cha làm mẹ, rằng liệu họ có nên ở lại trong một cuộc hôn nhân đầy xung đột vì lợi ích của con cái hay không. Trong một nghiên cứu dài hạn quan trọng về vấn đề này, Amato, Loomis và Booth (1995) đã phát hiện ra rằng các vấn đề của trẻ em giảm đi khi cha mẹ trong một cuộc hôn nhân có xung đột cao ly hôn (chiếm 30%–49% số ly hôn), trong khi các vấn đề của trẻ em tăng lên khi cha mẹ trong một cuộc hôn nhân ít xung đột ly hôn. Booth và Amato (2001) đã xem xét các yếu tố tương quan (correlates) đến ly hôn ở các cặp vợ chồng ít xung đột và phát hiện ra rằng các yếu tố như ít gắn kết với cộng đồng, có ít bạn bè, không sở hữu nhà cửa, và có thái độ tích cực hơn với việc ly hôn liên quan đến khả năng ly hôn cao hơn; các tác giả gợi ý rằng bởi vì những yếu tố này có thể ít nổi bật với trẻ em so với xung đột giữa cha mẹ của chúng, việc ly hôn có thể trở thành điều không mong muốn và bất ngờ hơn, là nguyên nhân cho những ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn của việc ly hôn lên trẻ em từ gia đình ít xung đột so với những gì được thấy ở trẻ em từ gia đình có xung đột cao.

Các nhà nghiên cứu đã vượt ra ngoài những đặc điểm chung của xung đột để mô tả các loại xung đột cụ thể và các khía cạnh cụ thể của xung đột giữa cha mẹ có thể đặc biệt gây bất lợi cho trẻ em. Xung đột công khai có thể là thể chất hoặc lời nói và bao gồm các hành vi và cảm xúc như hiếu chiến, khinh thường, chế nhạo, la hét, lăng mạ, tát, đe dọa và đánh đập; tiếp xúc với xung đột công khai có liên quan đến các vấn đề hướng ngoại của trẻ em (Buehler và cộng sự, 1998). Xung đột ngầm có thể bao gồm các kỹ thuật gây hấn thụ động như cố gắng khiến đứa trẻ đứng về phía cha hoặc mẹ, sử dụng đứa trẻ để lấy thông tin về người cha/mẹ kia, bắt đứa trẻ gửi tin nhắn cho người cha/mẹ kia và bôi nhọ cha/mẹ kia trong sự hiện diện của đứa trẻ; xung đột ngầm có liên quan nhiều đến các vấn đề nội tâm hơn là các vấn đề bên ngoài (Buehler và cộng sự, 1998). Amato và Afifi (2006) phát hiện ra rằng cảm giác bị mắc

kẹt giữa cha mẹ ngay cả khi còn trẻ có liên quan đến những cuộc hôn nhân có nhiều xung đột nhưng không liên quan đến ly hôn và nó liên quan đến nhiều vấn đề nội tâm hóa hơn cũng như mối quan hệ cha mẹ và con cái tồi tệ hơn. Vì vậy, những đứa trẻ có cha mẹ ly hôn có thể có khả năng thích ứng lâu dài tốt hơn những đứa trẻ có cha mẹ vẫn duy trì cuộc hôn nhân nhiều xung đột nếu việc ly hôn giúp trẻ thoát khỏi xung đột và cảm giác bị mắc kẹt giữa cha mẹ.

Nuôi dạy con cái

Một cơ chế khác đã được đề xuất nhiều lần trong tài liệu nghiên cứu như một lời giải thích cho mối liên kết giữa ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của trẻ em là sự gián đoạn trong các phương pháp nuôi dạy con cái có thể xảy ra sau ly hôn. Ly hôn có thể khiến cha mẹ gặp khó khăn hơn trong việc giám sát và quản lý trẻ một cách hiệu quả (Buchanan, Maccoby, & Dornbusch, 1996; McLanahan & Sandefur, 1994), khó duy trì kỷ luật một cách nhất quán (Hetherington, Cox, & Cox, 1979), và khó cung cấp sự ấm áp và tình thương (Forehand, Thomas, Wierson, & Brody, 1990; Hetherington & Stanley-Hagan, 1999). Sau ly hôn, mâu thuẫn giữa phụ-huynh-con-cái thường tăng lên và sự gắn kết gia đình giảm bớt (Short, 2002).

Cũng giống như các nghiên cứu về việc thích ứng của trẻ em cho thấy rằng trẻ em có cha mẹ cuối cùng ly hôn có nhiều vấn đề thích ứng trước ly hôn đáng kể hơn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn, người làm cha mẹ cuối cùng ly hôn đã được phát hiện có những phương pháp nuôi dạy con cái có vấn đề hơn từ 8-12 năm trước khi ly hôn so với những người làm cha mẹ không ly hôn (Amato & Booth, 1996; Shaw và cộng sự, 1993). Những vấn đề trong việc nuôi dạy con cái góp phần vào các vấn đề thích ứng của trẻ em trong mọi loại cấu trúc gia đình. Một số nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng rằng việc kiểm soát chất lượng nuôi dạy con cái làm giảm liên kết giữa việc ly hôn của cha mẹ và việc thích ứng của trẻ em (Amato, 1986; Amato & Gilbreth, 1999; Simons, Whitbeck, Beaman, & Conger, 1994; Tschann, Johnson, & Wallerstein, 1989; Videon, 2002). Ví dụ, trong một nghiên cứu về các bà mẹ và con trai của họ từ lớp 1-3, Martinez và Forgatch (2002) đã phát hiện ra rằng sự khuyến khích của các bà mẹ đối với kỹ năng học thuật đã làm trung gian cho mối quan hệ giữa những thay đổi trong hôn nhân và thành tích

học tập của các bé trai và rằng một chỉ số chung hơn về việc nuôi dạy con cái hiệu quả đã làm trung gian cho liên kết giữa những thay đổi trong hôn nhân và các vấn đề bên ngoài và bên trong.

Một số nghiên cứu đã khảo sát liệu mối liên hệ giữa việc tiếp xúc với phụ huynh không giữ quyền nuôi con và chất lượng mối quan hệ này có làm trung gian cho mối liên kết giữa ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của trẻ em hay không. Trong một phân tích tổng hợp của 63 nghiên cứu, Amato và Gilbreth (1999) phát hiện ra rằng sự điều chỉnh tốt hơn của trẻ em (thành tích học tập và ít vấn đề bên ngoài và bên trong) không liên quan đến tần suất tiếp xúc với cha không cùng chung sống nhưng lại có liên quan đến việc cha không cùng chung sống thanh toán tiền cấp dưỡng, phong cách nuôi dạy có thẩm quyền, và cảm xúc gắn gũi giữa cha và con.

Sự an lạc (sức khỏe tinh thần) của cha mẹ

Một yếu tố trung gian khác có thể của mối liên kết giữa ly hôn của cha mẹ và sự thích ứng của trẻ em là sự an lạc (hạnh phúc & bình yên) của cha mẹ. Xung đột hôn nhân và ly hôn làm tăng trầm cảm, lo âu, và căng thẳng cho cha mẹ, điều này làm giảm khả năng nuôi dạy con cái tốt của họ và có thể lần lượt ảnh hưởng tiêu cực đến sự thích ứng của trẻ em. Lịch sử hành vi phạm tội của các bà mẹ cũng được tìm thấy là nguyên nhân chính giải thích mối liên kết giữa ly hôn của cha mẹ và các hành vi bộc phát của trẻ em (Emery và cộng sự, 1999). Những mối quan hệ này rất phức tạp. Qua việc chọn lựa bạn đời có tính chọn lọc (assortative mating), những phụ huynh có vấn đề như trầm cảm, sử dụng chất kích thích, hoặc hành vi chống đối xã hội có nguy cơ chọn bạn đời có vấn đề tương tự (Maes và cộng sự, 1998). Những yếu tố rủi ro từ phía cha mẹ này làm tăng xung đột hôn nhân và ly hôn (Merikangas, 1984). Trẻ em có thể kế thừa một số tính cách này từ cha mẹ thông qua gen hoặc qua trải nghiệm môi trường sống chung.

LƯU Ý

Vì trẻ em không thể được phân ngẫu nhiên vào các nhóm cấu trúc gia đình, nên các nghiên cứu về mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và sự thích ứng của con cái nhất thiết phải có mối tương quan với nhau. Bất

chấp nỗ lực của các nhà nghiên cứu nhằm kiểm soát những yếu tố gây nhiễu tiềm ẩn (control for potential confounds), có thể các biến số không được kiểm soát là nguyên nhân dẫn đến mối liên hệ giữa ly hôn và sự thích ứng. Hai nhóm nghiên cứu lớn đưa ra những cảnh báo quan trọng để hiểu mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và sự thích ứng của con cái là các nghiên cứu về sự điều chỉnh của con cái trong gia đình kế (stepfamilies - tức là gia đình mới khi bố hoặc mẹ để kết hôn hoặc chung sống với đối tác mới) và nghiên cứu về tác động di truyền (genetic effects).

Tái hôn và gia đình kế

Phần lớn tài liệu so sánh sự thích ứng của trẻ em có cha mẹ ly hôn hoặc chưa ly hôn rất phức tạp bởi thực tế là trẻ em thường phải đối mặt không chỉ với một lần chuyển đổi hôn nhân (tức là cha mẹ ruột của chúng ly hôn) mà còn phải trải qua nhiều lần chuyển đổi hôn nhân (ví dụ: ly hôn lần đầu cộng với những lần tái hôn và ly hôn sau đó). Nếu nhiều quá trình chuyển đổi này không được xét đến, việc thích ứng của trẻ em với chuyện ly hôn có thể bị nhầm lẫn với việc thích ứng của chúng với chuyện tái hôn và có thể là nhiều cuộc ly hôn [của cha mẹ]. Đánh giá hiện tại tập trung vào việc ly hôn của cha mẹ [để] hơn là gia đình kế, nhưng một số đánh giá xuất sắc cung cấp thông tin đa chiều về sự thích ứng của con cái sau khi cha mẹ chúng tái hôn (ví dụ: Dunn, 2002; Hetherington & Clingempeel, 1992; Hetherington và cộng sự, 1999).

Hiệu ứng di truyền

Nghiên cứu gần đây đã cố gắng ước tính sự đóng góp tương đối của gen và môi trường trong việc tính đến khả năng cha mẹ sẽ ly hôn và sự thích ứng của con cái họ sau khi ly hôn (Neiderhiser, Reiss, & Hetherington, 2007). Lykken (2002) đưa ra bằng chứng cho thấy một cặp song sinh cùng hợp tử (sinh đôi cùng trứng / monozygotic twin) có nguy cơ ly hôn tăng 250% nếu người cùng sinh với họ đã ly hôn. Hơn nữa, tỷ lệ ly hôn tương đồng của cặp song sinh cùng hợp tử cao hơn so với các cặp song sinh dị hợp tử (McGue & Lykken, 1992). Những phát hiện này ủng hộ vai trò của di truyền như một yếu tố nguy cơ dẫn đến ly hôn, nhưng Jocklin, McGue và Lykken (1996) đã xác định rõ hơn các cơ chế tính cách mà qua đó hiệu ứng này xảy ra. Nghĩa là, họ nhận thấy từ

30% đến 42% khả năng di truyền của việc ly hôn có liên quan đến khả năng di truyền các đặc điểm tính cách như cảm xúc tích cực, cảm xúc tiêu cực và ít ràng buộc hơn, do đó, có liên quan đến ly hôn (Jocklin và cộng sự, 1996).

Nghiên cứu cũng đã bắt đầu xem xét tương tác gen–môi trường để hiểu trong điều kiện môi trường nào thì gen có thể biểu hiện. Một câu hỏi quan trọng là liệu sự đóng góp của gen đối với việc ly hôn cũng có liên quan đến việc thích ứng kém hơn của trẻ em có cha mẹ đã ly hôn hay không, hay việc trải qua ly hôn của cha mẹ có đóng góp thêm vào rủi ro gen không. Trong một nghiên cứu dài hạn với 398 gia đình sinh học và nhận nuôi, O'Connor, Caspi, DeFries và Plomin (2000) phát hiện ra rằng trẻ em trải qua ly hôn của cha mẹ sinh học (biological parent / cha mẹ ruột) trước tuổi 12 có mức độ vấn đề về hành vi và sử dụng chất cao hơn và mức độ thành tựu và thích ứng xã hội thấp hơn so với trẻ em có cha mẹ sinh học không ly hôn. Trẻ em trải qua ly hôn của cha mẹ nuôi trước tuổi 12 cũng có mức độ vấn đề hành vi và sử dụng chất cao hơn so với những trẻ không trải qua ly hôn của cha mẹ nuôi, nhưng hai nhóm trẻ nuôi này không khác biệt về thành tựu hay thích ứng xã hội. Những phát hiện này cho thấy tầm quan trọng của tương tác gen–môi trường trong việc góp phần vào thành tựu và thích ứng xã hội và nhấn mạnh tầm quan trọng của môi trường trong việc giải thích mối liên kết giữa ly hôn của cha mẹ và các vấn đề về hành vi và sử dụng chất của con cái (O'Connor và cộng sự, 2000).

Sử dụng mẫu có nguy cơ cao ở Úc, D'Onofrio và cộng sự (2005) so sánh con cái của các cặp song sinh trưởng thành về các vấn đề hướng ngoại, hướng nội và sử dụng chất gây nghiện và kết luận rằng các tác động môi trường (chứ không phải di truyền) của việc ly hôn là nguyên nhân cho tỷ lệ vấn đề cao hơn ở nhóm từng trải qua chuyện cha mẹ ly hôn. Để giải thích rõ hơn về quá trình liên quan đến tác động di truyền và môi trường, D'Onofrio và cộng sự (2006) nhận thấy rằng trải nghiệm ly hôn có liên quan đến tuổi quan hệ lần đầu sớm hơn và nhiều vấn đề về cảm xúc và giáo dục hơn, trong khi việc sử dụng ma túy (drugs) sớm hơn và khả năng sống chung được dự đoán bởi các yếu tố di truyền và chọn lọc khác. Sử dụng thiết kế trẻ em sinh đôi với mẫu dựa trên dân số Mỹ, D'Onofrio và cộng sự (2007) phát hiện ra rằng yếu tố di truyền và

các yếu tố chọn lọc (selection factors) khác, chứ không phải bản chất ly hôn, gây ra những khác biệt trong các vấn đề nội tâm hóa, trong khi việc sử dụng chất gây nghiện không được giải thích bởi yếu tố di truyền. Lý do cho sự khác biệt giữa những phát hiện từ những nghiên cứu này là không rõ ràng. Tuy nhiên, mặc dù bản chất chính xác của các yếu tố di truyền hoặc môi trường góp phần vào các kết quả phát triển khác biệt vẫn chưa rõ ràng trong các nghiên cứu cho đến nay, nhưng rõ ràng là các đóng góp về di truyền và môi trường đều định hình liệu các cá nhân cuối cùng sẽ ly hôn hay không và nếu họ ly hôn thì con cái họ có thể thích nghi với việc ly hôn như thế nào.

LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH LY HÔN

Câu hỏi liệu cấu trúc gia đình (family structure) có ảnh hưởng đến sự thích nghi của trẻ em hay không và nếu có, tại sao và làm thế nào nó ảnh hưởng là quan trọng trong việc cung cấp thông tin cho [việc đưa ra] chính sách vì người ta có thể điều chỉnh chính sách để ảnh hưởng đến các cơ chế gần gũi khác nhau, có thể tác động đến sự thích nghi của trẻ em. Ở một mức độ nào đó, câu trả lời cho các câu hỏi liên quan đến việc ly hôn ảnh hưởng đến sự thích nghi của trẻ em hay không và như thế nào, cũng ảnh hưởng đến việc- cha mẹ khi muốn ly hôn có gặp khó khăn hay không ngay từ ban đầu (ví dụ, xác định xem có tốt hơn khi ở lại trong một cuộc hôn nhân có xung đột vì lợi ích của con cái hay không). Các bang có yêu cầu khác nhau liên quan đến thời gian chờ đợi, tư vấn, khoảng thời gian ly thân cần thiết trước khi ly hôn, và các yếu tố khác ảnh hưởng đến việc ly hôn có khó khăn như thế nào trong một bang cụ thể. Mặc dù tỷ lệ biến đổi ngay sau khi một chính sách mới được áp dụng, nhưng khó khăn, cản trở trong việc ly hôn và tỷ lệ ly hôn phần lớn không liên quan sau giai đoạn ban đầu này (Wolfers, 2003), do đó chính sách có khả năng không ảnh hưởng đến số lượng cha mẹ ly hôn về lâu dài.

Ở một khía cạnh khác, việc hiểu rõ sự thích nghi của trẻ em sau ly hôn là quan trọng để thực thi các chính sách có thể giúp đỡ trẻ em khi cha mẹ họ quyết định ly hôn. Chẳng hạn, nếu ly hôn làm tăng nguy cơ trẻ em có những hành vi phản ứng, bộc phát bên ngoài là do nó dẫn đến

việc giới hạn nguồn tài chính có sẵn cho trẻ em và, từ đó, nguy cơ tiếp xúc với những khu vực nguy hiểm liên quan đến SES (Socioeconomic Status / Tình trạng kinh tế xã hội) thấp, thì một phản ứng chính sách hợp lý sẽ là làm cho cha mẹ không nuôi dưỡng trở nên có trách nhiệm hơn trong việc thanh toán tiền cấp dưỡng. Tương tự, các chính sách của nhà nước có thể giảm thiểu hoặc làm trầm trọng thêm xung đột giữa cha mẹ, với những hậu quả cho sự thích nghi của trẻ em. Những vấn đề chính sách then chốt liên quan đến sự thích nghi của trẻ em bao gồm quá trình ly hôn (ví dụ, lý do cho ly hôn), quyết định về quyền nuôi con (quyền giám hộ), và sự hỗ trợ tài chính (trách nhiệm cấp dưỡng) cho trẻ em. Mỗi loại chính sách sẽ được xem xét ngay dưới đây.

Lý do cho chuyện Ly Hôn

Sự khác biệt chính liên quan đến lý do ly hôn là việc xem xét tới lỗi lầm (fault) trong quá trình ly hôn hay không. Nếu lỗi lầm được xem xét, ly hôn chỉ được chấp thuận khi một bên được xác định là "có tội" (nghĩa là ngoại tình, bạo hành thể chất hoặc tình dục đối với vợ/chồng hoặc con cái, bỏ nhà ít nhất một năm, hoặc các tội lỗi nghiêm trọng khác) và bên kia được xác định là "vô tội" (Nakonezny, Shull, & Rodgers, 1995). Sự đồng ý của bên "vô tội" là cần thiết để chấp thuận việc ly hôn, và ly hôn không được chấp thuận nếu cả hai bên đều "có tội". Theo lý thuyết, bên vô tội sẽ được trao cấp dưỡng, nuôi con và tài sản trong một cuộc ly hôn dựa trên lỗi lầm. Nếu lỗi lầm không được xem xét, cả hai bên không cần phải có sự đồng ý, và việc trao cấp dưỡng, nuôi con và phân chia tài sản không còn dựa vào lỗi lầm mà dựa vào nhu cầu và khả năng chi trả. Cơ sở của ly hôn không dựa vào lỗi đã được thông qua ở tất cả 50 tiểu bang từ những năm 1950 đến 1980, và hiện nay tất cả 50 tiểu bang đều cho phép ly hôn không dựa vào lỗi. Tuy nhiên, chỉ có 15 tiểu bang đã hoàn toàn loại bỏ ly hôn dựa trên lỗi (*Grounds for Divorce*, n.d).

Trong 35 tiểu bang còn lại, người ta có thể chọn giữa ly hôn không dựa vào lỗi và ly hôn dựa trên lỗi. Những lý do phổ biến nhất để chọn ly hôn dựa trên lỗi là để tránh thời gian chờ đợi dài hơn thường yêu cầu cho một cuộc ly hôn không dựa vào lỗi hoặc để nhận được một phần lớn hơn của tài sản chung hoặc nhiều tiền cấp dưỡng hơn. Một mối quan ngại chính liên quan đến việc thích ứng của con cái là việc chứng minh tội và vô tội trong một cuộc ly hôn dựa trên lỗi có xu hướng kéo dài sự

ác ý và xung đột giữa các bậc phụ huynh (cha mẹ của trẻ), điều này có thể dẫn đến những kết quả tồi tệ hơn cho con cái của họ.

Chính sách Quyền nuôi con (quyền giám hộ)

Các chính sách về quyền nuôi con bao gồm nhiều hướng dẫn xác định việc con cái sẽ sống với ai sau khi ly hôn, cách phân chia thời gian trong các tình huống nuôi con chung (joint custody), và quyền thăm con (visitation rights). Hướng dẫn thường được áp dụng nhất là tiêu chuẩn "lợi ích tốt nhất của trẻ em / best interests of the child", xem xét đến nguyện vọng của cha mẹ, nguyện vọng của trẻ, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, sự thích ứng của trẻ em, và sức khỏe tinh thần lẫn thể chất của tất cả các thành viên trong gia đình (xem Kelly, 1994). Gần đây, quy tắc ước lượng (approximation rule) đã được đề xuất như một phương án thay thế cho tiêu chuẩn lợi ích tốt nhất của trẻ em do lo ngại rằng tiêu chuẩn sau không cung cấp đủ hướng dẫn cụ thể và để lại quá nhiều yếu tố để các thẩm phán đánh giá theo ý kiến riêng (Viện Luật Mỹ / American Law Institute, 2002). Quy tắc ước lượng quy định rằng quyền nuôi con nên được trao cho mỗi bên cha mẹ để gần giống với lượng thời gian mà họ đã dành ra để chăm sóc con cái trong thời gian hôn nhân. Có các ý kiến đa dạng từ việc ủng hộ quy tắc ước lượng như một cải tiến so với tiêu chuẩn lợi ích tốt nhất của trẻ em (Emery, Otto, & O'Donohue, 2005) cho đến chỉ trích rằng quy tắc ước lượng có thể dẫn đến thiên vị chống lại người cha và kém nhạy cảm với nhu cầu của từng gia đình riêng biệt hơn so với tiêu chuẩn lợi ích tốt nhất của trẻ em (Warshak, 2007). Bất kể áp dụng tiêu chuẩn nuôi con nào, các tranh chấp về quyền nuôi con được giải quyết thông qua hòa giải thay vì kiện tụng đã được phát hiện có liên quan đến nhiều sự tham gia của cha mẹ không cư trú vào cuộc sống của đứa trẻ mà không làm gia tăng xung đột giữa cha mẹ (Emery, Laumann- Billings, Waldron, Sbarra, & Dillon, 2001; Emery, Sbarra, & Grover, 2005).

Sự phân biệt được thực hiện giữa quyền nuôi dưỡng pháp lý (legal custody), liên quan đến việc đưa ra quyết định quan trọng về con cái, và quyền nuôi dưỡng thực tế (physical custody), liên quan đến việc sắp xếp cuộc sống hàng ngày. Cách sắp xếp phổ biến sau ly hôn là cha mẹ cùng chia sẻ quyền nuôi dưỡng pháp lý nhưng mẹ có quyền nuôi dưỡng thực tế độc lập. Một số nghiên cứu đã khảo sát liệu sự thích ứng của trẻ em

có liên quan đến các thỏa thuận nuôi dưỡng sau khi cha mẹ ly hôn hay không. Sử dụng dữ liệu từ một mẫu quốc gia lớn, Downey và Powell (1995) phát hiện ra ít khác biệt giữa sự thích ứng của trẻ em mà cha là người giữ quyền nuôi dưỡng sau ly hôn so với những trẻ em mà mẹ giữ quyền nuôi dưỡng. Đối với vài kết quả mà có sự khác biệt xuất hiện, trẻ em có vẻ được điều chỉnh tốt hơn trong gia đình có cha giữ quyền nuôi nếu thu nhập không được kiểm soát, nhưng sau khi kiểm soát thu nhập, trẻ em có vẻ được điều chỉnh tốt hơn trong gia đình có mẹ giữ quyền (Downey & Powell, 1995).

Những lợi ích chính của việc nuôi dưỡng chung bao gồm việc tiếp cận nguồn tài chính và các nguồn lực khác mà phụ huynh thứ hai có thể cung cấp và sự liên lạc thường xuyên và ý nghĩa hơn có thể xảy ra giữa cả hai phụ huynh và con cái (Bender, 1994). Những lo ngại chính được đưa ra liên quan đến việc nuôi dưỡng chung là nó có thể kéo dài thời gian trẻ em tiếp xúc với xung đột giữa các bậc cha mẹ có mối quan hệ không hoà thuận và làm giảm sự ổn định cần thiết cho sự điều chỉnh tích cực của trẻ em (Johnston, 1995; Twaite & Luchow, 1996). Trong phân tích tổng hợp của 33 nghiên cứu so sánh việc nuôi dưỡng chung về mặt Physical (chia sẻ quyền liên quan đến việc ăn ở của con giữa bố mẹ ly hôn) hoặc Legal (chia sẻ quyền liên quan đến việc ra các quyết định quan trọng, chẳng hạn như giáo dục, chăm sóc sức khỏe) với việc nuôi dưỡng duy nhất của mẹ, Bauserman (2002) kết luận rằng trẻ em trong các gia đình nuôi dưỡng chung (dù là Physical hay Legal) ít gặp các vấn đề hành vi bộc lộ ra bên ngoài và nội tâm hóa bên trong, và có thành tích học tập tốt hơn cũng như các mối quan hệ xã hội ổn hơn so với trẻ em trong gia đình chỉ do mẹ nuôi. Cha mẹ có quyền nuôi dưỡng chung báo cáo rằng họ ít xung đột trong quá khứ và hiện tại so với cha mẹ chỉ có quyền nuôi duy nhất, nhưng những phát hiện liên quan đến việc thích ứng tốt hơn của trẻ em trong việc nuôi dưỡng chung vẫn được duy trì sau khi kiểm soát xung đột giữa cha mẹ. Tuy nhiên, sự thận trọng là cần thiết, bởi vì có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn giữa việc nuôi dưỡng chung hoặc riêng biệt có thể giải thích rõ ràng các khác biệt trong việc thích ứng của trẻ em trong các tình huống nuôi dưỡng khác nhau. Thêm vào đó một lo ngại về mặt phương pháp luận là chỉ có 11 trong số 33 nghiên cứu được bao gồm trong phân tích tổng hợp của Bauserman đã được công bố—còn 21 là luận án tiến sĩ không công bố

và 1 là bản thảo không công bố khác. Do đó, phần lớn các nghiên cứu được đưa vào phân tích tổng hợp đều không vượt qua được sự đánh giá nghiêm ngặt của đồng nghiệp. Kết luận rằng việc nuôi dưỡng chung về mặt physical và legal đều liên kết với việc thích ứng tốt hơn cho trẻ em là nhất quán với kết luận từ phân tích tổng hợp của Amato và Gilbreth (1999) rằng ít có mối liên hệ giữa việc điều chỉnh của trẻ em và tần suất liên lạc với cha. Amato và Gilbreth (1999) đã tìm ra rằng chất lượng mối quan hệ của trẻ em với cha là yếu tố tiên đoán quan trọng hơn cho việc thích ứng của trẻ so với tần suất liên lạc. Nếu quyền nuôi con chung dù là physical hay legal thúc đẩy mối quan hệ cha con tích cực hơn, điều này có thể giải thích cho sự thích ứng tích cực hơn của những đứa trẻ được nuôi dưỡng chung theo báo cáo của Bauserman (2002).

Chính sách và thực thi hỗ trợ nuôi con (cấp dưỡng)

Các chính sách hỗ trợ trẻ em liên hệ đến nhiều yếu tố liên quan đến việc đảm bảo rằng cha mẹ không có quyền giám hộ cung cấp hỗ trợ tài chính cho con cái của họ. Các tiểu bang khác nhau về các tiêu chí theo luật định về chuyện cấp dưỡng cho con cái: liệu tiểu bang có thể lấy một tỷ lệ phần trăm trong tiền lương của cha/mẹ không có quyền giám hộ hay không, các công thức cấp dưỡng con cái, quyền quyết định thanh toán trực tiếp cho tòa án, và các đạo luật dài hạn. Trong lịch sử, hỗ trợ công cộng đóng một vai trò quan trọng đối với tình trạng kinh tế của các bà mẹ và trẻ em đã ly hôn (xem Garfinkel, Melli, & Robertson, 1994 để đánh giá). Các hướng dẫn về “tính hợp lý” đã được các tiểu bang sử dụng để xác định trách nhiệm trả tiền cấp dưỡng con cái của cha mẹ không có quyền giám hộ con. Các thẩm phán địa phương đã sử dụng ngân sách do cha mẹ có quyền giám hộ đệ trình kết hợp với khả năng chi trả của cha mẹ không có quyền giám hộ (dựa trên thu nhập và các yếu tố khác), nhưng các phán quyết có sự khác biệt đáng kể giữa các tòa án và các phán quyết cấp dưỡng con cái nói chung là quá nhỏ để tương xứng cho việc chia sẻ công bằng trách nhiệm nuôi dạy con cái (Garfinkel và cộng sự, 1994).

Luật pháp liên bang năm 1984, 1988 và 1996 đã cung cấp các công thức số để hướng dẫn các quyết định về tiền cấp dưỡng con cái, cho phép các tiểu bang giữ lại tiền lương của cha mẹ không giám hộ để

thanh toán tiền cấp dưỡng con cái, và thực hiện các thay đổi khác để giúp cha mẹ có quyền giám hộ dễ dàng hơn trong việc giành được phán quyết hỗ trợ và yêu cầu tòa án thi hành các phán quyết đó (xem Roberts, 1994). Ví dụ: một số tiểu bang sẽ không cấp giấy phép lái xe, đăng ký xe hoặc giấy phép do tiểu bang cấp cho những cá nhân chậm thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chỉ có 57% cha mẹ giám hộ có tiền hỗ trợ nuôi con và chỉ 47% trong số đó nhận được khoản thanh toán đầy đủ (Grall, 2007). Việc cha mẹ giám hộ có nhận được khoản thanh toán hay không vẫn phụ thuộc rất nhiều vào động lực và khả năng chi trả của cha mẹ không giám hộ (Thomas & Sawhill, 2005).

Ngoài các chính sách đặc biệt tập trung vào việc chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con, các chính sách liên quan đến cấp dưỡng cho người phối ngẫu cũ (alimony), phân phối và bảo trì tài sản cũng ảnh hưởng đến nguồn tài chính dành cho con cái sau khi ly hôn. Việc cấp dưỡng cho người phối ngẫu cũ theo thể thức dài hạn không còn phổ biến như trước đây, ngoại trừ trong những tình huống có tình tiết giảm nhẹ (ví dụ vợ/chồng cũ có vấn đề về sức khỏe nên không thể làm việc; Katz, 1994). Phổ biến hơn là tiền cấp dưỡng ngắn hạn hoặc tiền cấp dưỡng phục hồi (rehabilitative alimony), được cung cấp trong một khoảng thời gian giới hạn trong đó người phối ngẫu nhận tiền cấp dưỡng (thường là vợ) đi học hoặc học các kỹ năng khác để có thể quay trở lại lực lượng lao động (Katz, 1994). Khi xác định cách phân chia tài sản sau khi ly hôn, cả hai yếu tố tiền tệ và phi tiền tệ thường được xem xét. Theo thời gian, những đóng góp phi tiền tệ của các bậc phụ huynh ở nhà với con cái và nhu cầu kinh tế của trẻ em đã được xem xét nhiều hơn trong việc thay đổi các luật pháp ảnh hưởng đến việc phân chia tài sản sau khi ly hôn. Trong phạm vi ảnh hưởng đến nguồn tài chính dành cho trẻ em, các chính sách liên quan đến cấp dưỡng nuôi con (child support), tiền cấp dưỡng cho bạn đời cũ (alimony) và phân chia tài sản sau khi ly hôn (distribution of property following divorce) có thể rất quan trọng đối với việc điều chỉnh sau khi ly hôn của trẻ.

Bản tóm tắt

Trái ngược với sự cần thiết của các nghiên cứu tương quan về ảnh hưởng của việc ly hôn, việc thu thập dữ liệu thực nghiệm để xem xét ảnh hưởng của các chính sách liên quan đến ly hôn là khả thi. Đây sẽ là

một hướng quan trọng cho nghiên cứu trong tương lai. Một số dữ liệu có thể đến từ các kinh nghiệm tự nhiên (ví dụ, so sánh trẻ em ở các bang có chính sách cụ thể được quan tâm với trẻ em ở các bang có chính sách khác). Dữ liệu khác có thể đến từ những thí nghiệm thực sự trong đó một số trẻ em được phân ngẫu nhiên vào các can thiệp đang được đánh giá và những trẻ em khác được phân ngẫu nhiên vào điều kiện hiện tại của bang (các đánh giá theo những hướng này đã được tiến hành liên quan đến các phương pháp khác nhau để xác định tiền cấp dưỡng cho trẻ, như trong Chương trình Hỗ trợ Trẻ em của New York / New York's Child Assistance Program; Hamilton, Burstein, & Long, 1998). Các đánh giá chính sách có tiềm năng dẫn đến việc đưa ra khuyến nghị cho một bộ tiêu chuẩn có thể cải thiện sự thích ứng của trẻ em sau khi cha mẹ chúng ly hôn bằng cách làm cho quá trình ly hôn ít căng thẳng và các quyết định liên quan đến tài chính và quyền giám hộ con cái thuận lợi cho hạnh phúc và bình an của trẻ em nhiều nhất có thể.

TÓM TẮT VÀ KẾT LUẬN

Trong bài viết này, tôi đã xem xét các nghiên cứu về mối liên hệ giữa việc ly hôn của cha mẹ và sự thích nghi (thích ứng) của trẻ em. Đầu tiên, tôi đã xét đến các bằng chứng liên quan đến việc ly hôn ảnh hưởng như thế nào đến các hành vi bộc phát ra bên ngoài (externalizing behaviors / hành vi hướng ngoại), các vấn đề nội tâm hóa (internalizing problems), thành tích học tập (academic achievement) và các mối quan hệ xã hội (social relationships) của trẻ em. Nghiên cứu cho thấy rằng trẻ em có cha mẹ ly hôn có mức độ cao hơn về hành vi bộc phát và vấn đề nội tâm hóa, thành tích học tập thấp hơn, và gặp nhiều vấn đề hơn trong các mối quan hệ xã hội so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn. Tuy nhiên, mặc dù trẻ em có cha mẹ ly hôn- tính trên trung bình có sự thích nghi tệ hơn so với trẻ em có cha mẹ không ly hôn, nhưng phần lớn trẻ em có cha mẹ ly hôn không gặp phải kết quả tiêu cực lâu dài (long-term negative outcomes).

Thứ hai, tôi đã xem xét tuổi của trẻ khi cha mẹ ly hôn, tuổi tại thời điểm nghiên cứu, khoảng thời gian kể từ khi ly hôn, đặc điểm nhân khẩu học, sự thích nghi của trẻ trước khi ly hôn, và sự kỳ thị như là những yếu tố

điều tiết mối liên kết giữa việc ly hôn và sự thích nghi của trẻ. Có bằng chứng cho thấy, đối với hành vi, trẻ em ở độ tuổi nhỏ hơn tại thời điểm bố mẹ ly hôn có thể có nguy cơ cao hơn so với trẻ em lớn tuổi hơn tại thời điểm đó, nhưng đối với kết quả học tập và mối quan hệ xã hội (đặc biệt là với người yêu), thanh thiếu niên có bố mẹ ly hôn có thể có nguy cơ cao hơn so với trẻ em nhỏ tuổi. Bằng chứng không rõ ràng về việc liệu con gái hay con trai bị ảnh hưởng nhiều hơn bởi ly hôn, nhưng có một số bằng chứng cho thấy rằng trẻ em người Mỹ gốc Âu bị ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn bởi chuyện ly hôn so với trẻ em người Mỹ gốc Phi. Trẻ em có khó khăn trong việc thích nghi trước khi ly hôn sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực nhiều hơn bởi chuyện ly hôn so với những đứa trẻ hoạt động tốt trước khi ly hôn. Trong bối cảnh văn hoá và lịch sử mà việc ly hôn bị kỳ thị, trẻ em có thể cho thấy sự thích nghi tệ hơn sau khi ly hôn so với khi ở trong bối cảnh mà việc ly hôn không bị kỳ thị.

Thứ ba, tôi xem xét thu nhập, xung đột giữa cha mẹ, cách nuôi dạy con cái và mức độ an lạc (sức khỏe tinh thần) của cha mẹ, như những yếu tố trung gian cho mối quan hệ giữa ly hôn và sự thích ứng của con cái. Cả bốn yếu tố trung gian này đều làm giảm bớt mối liên hệ giữa việc cha mẹ ly hôn và những khó khăn trong việc thích ứng của con cái. Xung đột giữa cha mẹ đã nhận được sự ủng hộ về thực nghiệm nhiều nhất với tư cách là một trung gian tác động quan trọng.

Thứ tư, tôi chú ý đến những lưu ý trong tài liệu nghiên cứu. Đánh giá này tập trung vào mối quan hệ giữa ly hôn và sự thích ứng của con cái, nhưng việc hình thành gia đình kế và những cuộc ly hôn tiếp sau đó thường là một phần trải nghiệm của những đứa trẻ có cha mẹ ruột ly hôn. Công việc gần đây sử dụng việc nhận con nuôi và thiết kế cặp song sinh cho thấy tầm quan trọng của cả di truyền và môi trường (và cả sự tương tác của chúng) trong việc dự đoán khả năng ly hôn và sự thích ứng của con cái sau khi cha mẹ ly hôn.

Thứ năm, tôi xem xét những chính sách đáng chú ý liên quan đến căn cứ ly hôn, quyền giám hộ con cái và cấp dưỡng nuôi con vì chúng có thể ảnh hưởng đến quyền của con cái đối với việc cha mẹ ly hôn. Các chính sách giúp giảm xung đột giữa cha mẹ và mang lại an ninh kinh tế cho trẻ em có khả năng mang lại lợi ích cho sự thích ứng của trẻ. Việc

đánh giá liệu các chính sách cụ thể có liên quan đến sự thích ứng của trẻ em sau khi cha mẹ ly hôn hay không có khả năng cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách trong tương lai.

Quan trọng là phải kết thúc bài đánh giá này bằng cách nhấn mạnh rằng không phải tất cả trẻ em đều trải qua những quỹ đạo tương tự trước hoặc sau khi chứng kiến sự ly hôn của cha mẹ. Do đó, những quỹ đạo thích nghi có thể diễn hình cho nhiều trẻ em có thể lại không được một đứa trẻ cụ thể nào đó thể hiện. Hơn nữa, những gì ban đầu có vẻ như là hậu quả của việc ly hôn có khả năng là sự kết hợp phức tạp của các yếu tố liên quan đến cha mẹ, trẻ em và bối cảnh xung quanh, diễn ra trước và sau sự kiện ly hôn cùng với chính sự kiện ly hôn đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Allison, P.D., & Furstenberg, F.F., Jr. (1989). Sự tan vỡ hôn nhân ảnh hưởng đến trẻ em như thế nào: Sự biến thiên theo tuổi và giới tính. *Tâm lý phát triển (Developmental Psychology)*, 25, 540–549.

Amato, P.R. (1986). Xung đột hôn nhân, mối quan hệ cha mẹ – con cái và lòng tự trọng của trẻ em. *Quan hệ Gia đình (Family Relations)*, 35, 403–410.

Amato, P.R. (1993). Sự điều chỉnh của trẻ em sau ly hôn: Lý thuyết, giả thuyết và sự hỗ trợ thực nghiệm. *Tạp chí Hôn nhân và Gia đình (Journal of Marriage and the Family)*, 55, 23–38.

Amato, P.R. (1996). Giải thích sự chuyển giao qua các thế hệ về việc ly hôn. *Tạp chí Hôn nhân và Gia đình (Journal of Marriage and the Family)*, 58, 628–640.

Amato, P.R. (2001). Trẻ em của các gia đình ly hôn trong những năm 1990: Cập nhật phân tích tổng hợp của Amato và Keith (1991). *Tạp chí Tâm lý Gia đình (Journal of Family Psychology)*, 15, 355–370.

Danh sách tài liệu tham khảo đầy đủ quý vị vui lòng xem trong bản gốc (có link bên dưới).

- Hết -

Lời của người biên tập: Nội dung của tài liệu này được tạo ra với mong muốn trở thành nguồn tư liệu hữu ích cho bất kỳ ai quan tâm đến chủ đề nhưng có vốn tiếng Anh hạn chế. Ngoài điều ấy ra, nó không có mục đích nào khác. Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến (các) tác giả gốc của nghiên cứu này. Độc giả vui lòng chỉ dùng tài liệu này cho mục đích cá nhân & phi thương mại.

Người biên tập: Nguyễn Đức Anh (lyhon.org)

Link gốc bản tiếng Anh:

https://local.psy.miami.edu/faculty/dmessenger/c_c/rsrscs/rdgs/emot/landsford.PerspectivesonPsychologicalScience-2009-Lansford-140-52.pdf

Mặc dù cố gắng hết sức, nội dung của bản dịch khó tránh khỏi sai sót, mong quý vị thông cảm. Nếu quý vị có khả năng đọc hiểu tiếng Anh, hãy đọc bản gốc, nó bao giờ cũng tốt hơn bản dịch.

Phiên bản 3 của bản dịch này được hoàn thành vào ngày: 14/07/2024

Chúng tôi có thể cập nhật các bản dịch tốt hơn, để tăng cường chất lượng. Nếu trường hợp đó xảy ra, trong tài liệu sẽ có thông báo rõ ràng về phiên bản để độc giả phân biệt.